TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2026/HNGĐ – ST
Ngày 05 tháng 5 năm 2026.
" V/v Ly hôn,tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hoàng Duy Chiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Minh Huấn;
2. Ông Lê Đức Toàn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Lã Chúc Cương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2026/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026; Giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, sinh ngày 09/4/2000;
Số căn cước công dân: 010098003….
Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.
2.Bị đơn: Anh Nguyễn Duy H, sinh ngày 09/02/1998.
Số căn cước công dân: 010300000…...
Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 21/01/2026 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy H kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã B, tỉnh Lào Cai) ngày 20/7/2018 theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn anh, chị sinh con, cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị nghi ngờ anh Hưng ngoại tình, không quan tâm đến vợ con, dần dần chị và anh Hưng ít nói chuyện, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Năm 2024 chị đã một lần viết đơn ra Tòa án để ly hôn, sau đó được khuyên giải chị đã rút đơn, sau khi rút đơn thì vợ chồng cũng chỉ sống với nhau được 6 tháng thì lại phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại chị đã ra ở riêng mỗi người một nơi. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không khắc phục được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Duy H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Hưng sinh được 02 con chung, cháu thứ nhất Nguyễn Tiến Dg, sinh ngày 18/02/2020 và cháu thứ hai Nguyễn Trà M, sinh ngày 17/10/2022, nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 17/10/2022 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh H nuôi cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 18/02/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh H không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Duy H, do anh thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, vì vậy không tống đạt trực tiếp được, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh Hưng không đến và không nộp tài liệu chứng cứ gì.

Đối với vụ án này chị Lương Thị H có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, vì vậy vụ án này không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà:

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Lào Cai có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo quy định pháp luật. Thư ký phiên toà và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Đều 57; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Căn cứ Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy địnhvề mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Duy H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 17/10/2022 cho chị Lương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 18/02/2020 cho anh Nguyễn Duy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do mỗi người nuôi một cháu, nên không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Duy H có địa chỉ tại xã B, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân Khu vực 7- Lào Cai thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Chị Lương Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Duy H vắng mặt lần hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lương Thị H và anh Nguyễn Duy H.

[2] Chị Lương Thị H và anh Nguyễn Duy H kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay là xã B, tỉnh Lào Cai) ngày 20/7/2018 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn trình bày thì anh, chị sống với nhau hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị nghi ngờ anh H ngoại tình, không quan tâm đến vợ con, dần dần chị và anh Hưng ít nói chuyện, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Năm 2024 chị đã một lần viết đơn ra Tòa án để ly hôn, sau đó được khuyên giải chị đã rút đơn, sau khi rút đơn thì vợ chồng cũng chỉ sống với nhau được 6 tháng thì lại phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Xét thấy mâu thuẫn của anh, chị là có thật, mâu thuẫn của vợ chồng, do chị H cung cấp phù hợp với nội dung xác nhận của địa phương, bản thân anh H cũng đã biết được chị Hằng có đơn ly hôn nhưng không có ý kiến gì. Nay chị H xin ly hôn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị Hằng, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Duy H.

[4] Về con: Chị Lương Thị H và anh Nguyễn Duy H sinh được 02 con chung, cháu thứ nhất Nguyễn Tiến D, sinh ngày 18/02/2020 và cháu thứ hai Nguyễn Trà M, sinh ngày 17/10/2022.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị Hằng có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 17/10/2022 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và để anh H nuôi cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 18/02/2020.

Xét thấy chị Lương Thị H đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Phúc Lào Cai, lương tháng là 10.000.000 đồng, hiện tại chị đang thuê nhà để ở, bản thân anh Nguyễn Duy H không đến Tòa án và không có văn bản trả lời, nhưng qua xác nhận của chính quyền nơi anh Hưng cư trú thì anh Hưng là lao động tự do, có thu nhập, bản thân ở nơi cư trú thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, trong thời gian sống ly thân chị Hằng đang nuôi cháu Nguyễn Trà My, anh Hưng đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến Dũng. Như vậy cả hai anh, chị đều có điều kiện để nuôi các con. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị H, giao cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 17/10/2022 cho chị Lương Thị H và giao cháu Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 18/02/2020 cho anh Nguyễn Duy H nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung:

Quá trình giải quyết thì chị Lương Thị H cho rằng mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy lý do chị Hằng đưa ra là phù hợp. Vì vậy chị Lương Thị H và anh Nguyễn Duy H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[6] Về tài sản: Chị Lương Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết, trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên***:**

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 35 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Duy H. Quan hệ hôn nhân của chị Lương Thị H và anh Nguyễn Duy H chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Chị Lương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 17/10/2022 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Duy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 18/02/2020 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Duy H và chị Lương Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Duy H và chị Lương Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai theo Biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí số 0000263 ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai đã được điều chỉnh theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001664 ngày 29/4/2026 (do viết sai biên lai).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 7-Lào Cai (2);
- Đương sự (2);
- UBND xã Bát Xát;
- THA DS khu vực 7- Lào Cai;
- Lưu TA,VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến